

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 190/2018/DS-PT**

Ngày: 15/11/2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Lâm Sơn

*Các Thẩm phán:*

Ông Phạm Đình Thi

Ông Trần Bình Đảo.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017, về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41A/2018/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Danh Th**, sinh năm 1930 (Có mặt)

Bà **Thị D**, sinh năm 1945 (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Danh Xung H**, sinh năm 1965 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp An Ph, xã B, huyện C, Kiên Giang.

**- Bị đơn:** Ông **Danh Th1**, sinh năm 1958 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp An Ph, xã B, huyện C, Kiên Giang.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà **Thị S (Thị S)**. (Vợ ông Danh Th1) (Có mặt)

Địa chỉ: ấp An Ph, xã B, huyện C, Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Danh Th1 và bà Thị S:  
Luật sư Trần Hữu Ph - cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh  
Kiên Giang (Có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông NLC 1, sinh năm 1956 (Có mặt)

2. Ông NLC 2 (Có mặt)

Cùng trú: Ấp Xà Xiêm, xã B, huyện C, Kiên Giang.

- *Người phiên dịch:* Ông Danh M - Chuyên viên Sở Ngoại vụ tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Ông Danh Th, bà Thị D - Nguyên đơn; Ông Danh Th1 - Bị đơn; Bà Thị S (S) - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Nguyên đơn ông Danh Th, bà Thị D và người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Danh Xung H trình bày:* Phần đất tranh chấp có diện tích khoảng 1.000m<sup>2</sup> (đất lung bào ở mé sông để trồng lá) có nguồn gốc là của ông nội Ông H tên Danh X khai phá từ trước năm 1975, sau năm 1975 thì ông Danh X 1 giao lại cho cha ông là ông Danh Th sử dụng, đến năm 1989 cha ông giao lại cho ông canh tác sử dụng trồng lá, trồng bạch đàn, tre. Phần đất này ông chưa đi đăng ký kê khai quyền sử dụng đất nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông sử dụng từ trước nay thì không có ai tranh chấp. Năm 2013 ông Danh Th1 tranh chấp nên Ông H làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã B giải quyết, UBND xã B hòa giải không thành nên Ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình sử dụng phần đất tranh chấp trên thì cha ông và ông không đóng thuế phần đất tranh chấp trên. Ông xác nhận vào năm 1998 thì ông có hứa cho ông Th1 phần đất tranh chấp trên như lời trình bày của ông Danh Th1 và ông có ký tên biên bản về việc hứa cho phần đất tranh chấp trên nhưng đất trên là của cha ông nên ông chỉ hứa chơi với ông Th1.

Ông xác nhận vào năm 2008 thì ông có đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tranh chấp trên nhưng ông Danh Th1 đứng ra tranh chấp và ngăn cản nên ông chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tranh chấp trên. Trước đây trên phần đất tranh chấp thì có một ngôi mộ của ông Danh Q là cha của ông Danh Th1 nhưng ông Danh Th1 đã dỡ cốt đi nơi khác nên hiện không có ngôi mộ nào trên phần đất tranh chấp. Ông sử dụng phần đất trên từ năm 1989 đến nay, ông không cải tạo phần đất trên vì là đất lá có từ trước, cha ông có trồng một bụi tre trên phần đất tranh chấp.

Nay ông bà và người đại diện theo ủy quyền của ông bà yêu cầu Tòa án công nhận phần đất có diện tích khoảng 1.000m<sup>2</sup> nêu trên là thuộc quyền sử dụng và quản lý của cha mẹ ông là ông Danh Th và bà Thị D.

\* *Bị đơn ông Danh Th1 trình bày:* Phần đất có diện tích 1.000m<sup>2</sup> (loại đất lung bào ở mé sông) mà ông Danh Th và bà Thị D đang tranh chấp có nguồn gốc từ cha ông tên Danh Q và bà Thị L tự khai phá từ năm 1975 đến khoảng năm 1983 thì cha

mẹ ông giao lại cho ông sử dụng trồng lá, tre để bán hàng năm và không có ai tranh chấp từ trước đến nay.

Khi cha ông giao lại phần đất trên cho ông sử dụng thì đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cha ông cho bằng miệng không có giấy tờ gì, do gia đình nghèo nên chưa đi đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi sử dụng đến nay ông không phải đóng thuế đối với phần đất trên. Vào năm 1998 thì giữa ông và ông Danh Xung H có xảy ra tranh chấp đối với phần đất trên thì ông Danh Xung H có hứa cho ông phần đất trên và có lập biên bản cùng ký tên. Vào năm 2006 thì ông có chuyển nhượng cho anh Danh Th2 một phần đất giáp với phần đất đang tranh chấp, hiện anh Thoạn đã cất nhà ở ổn định.

Nay ông không đồng ý với yêu cầu của ông Danh Th và bà Thị D, ông Danh Xung H vì phần đất nêu trên là thuộc quyền sử dụng của ông từ trước đến nay.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thị S trình bày:* Bà Sên thống nhất với lời trình bày của ông Danh Th1 và bà không đồng ý với yêu cầu của ông Danh Th và bà Thị D, ông Danh Xung H vì phần đất nêu trên là thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông bà từ trước đến nay.

*\* Tại bản án sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Danh Th và bà Thị D về việc yêu cầu Tòa án công nhận phần đất có diện tích là 1.000m<sup>2</sup> (theo đo đạc thực tế là 1.229,6m<sup>2</sup>) tọa lạc tại ấp An Ph, xã B, huyện C, Kiên Giang là của ông Danh Th và bà Thị D.

Xử giao cho ông Danh Th1 và bà Thị S được quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất lá, tre... diện tích cụ thể như sau:

Cạnh 1-2 = 4,65 m giáp đất Danh Th3

Cạnh 2-3 = 5,70 m giáp đất Danh Th3

Cạnh 3-4 = 31,80 m giáp đất Danh Xung H

Cạnh 4-5 = 7,0 m giáp đất Danh Xung H.

Cạnh 5-6 = 4,60 m giáp đất Danh L1

Cạnh 6-7 = 15,10m giáp đất Danh L1

Cạnh 7-8 = 8,0 m giáp đất Danh L1

Cạnh 8-9 = 18,0 m giáp đất Danh L1

Cạnh 9-10 = 7,0 m giáp đất Danh Th1

Cạnh 10-11 = 9,20 m giáp đất Danh X

Cạnh 11-12 = 4,0 m giáp đất Danh X

Cạnh 12-1 = 50,60 m giáp đất Danh X

Tổng diện tích đo đạc thực tế là 1.229,6m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp An Ph, xã B, huyện C, Kiên Giang.

Xử buộc ông Danh Th1 và bà Thị S có nghĩa vụ hoàn trả lại 1/2 giá trị phần đất tranh chấp là 148.166.800 đồng ( Một trăm bốn mươi tám triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn tám trăm đồng) cho ông Thếch và bà Thị D kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Ông Danh Th1 và bà Thị S có nghĩa vụ đến Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

\* Ngày 26/9/2017 ông Danh Th và bà Thị D có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm là công nhận cho vợ chồng ông bà được toàn quyền sử dụng diện tích đất theo đo đạc thực tế là 1.229,6m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp An Ph, xã B, huyện C, Kiên Giang.

\* Ngày 25/9/2017 ông Danh Th1 và bà Thị S có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét xử lại toàn bộ bản án sơ thẩm và không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông Danh Th và bà Thị D, để vợ chồng ông bà tiếp tục sử dụng phần đất tranh chấp nói trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và nội dung kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm

Phía bị đơn ông Danh Th1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thị S kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Danh Th1 và bà Thị S tranh luận cho rằng: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là đất biên lá không canh tác lúa được là của vợ chồng ông Danh Q, khi về già ông Quốc cho vợ chồng ông Danh Th1 khai thác, sử dụng. Khi ông Quốc chết vợ chồng ông Th1 đã chôn ông Quốc trên mảnh đất này, hiện nay nền mộ củ giáp đất ông Danh Th2 là người mua đất của ông Danh Th1. Còn phần đất ông Danh Th ở phía con lộ giáp đất ông Danh Th1, nay do làm lộ chỉ còn một vệt đất mỏng. Phía vợ chồng ông Danh Th dựa vào sơ đồ 14 để đòi phần đất hiện đang tranh chấp là không chính xác, vì thực tế phần đất này của gia đình ông Danh Th1 sử dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của vợ chồng ông Danh Th1, công nhận phần đất tranh chấp là của vợ chồng ông Danh Th1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia quyền sử dụng đất cho mỗi bên bằng hiện vật đất để sử dụng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Danh Th và bà Thị D, Hội đồng xét xử xét về nguồn gốc đất tranh chấp  $1.000\text{m}^2$  (theo đo đạc thực tế là  $1.229,6\text{m}^2$ ) tọa lạc tại ấp An Ph, xã B, huyện C, Kiên Giang, nguyên đơn trình bày là của cha mẹ là ông Danh X1 khai phá trước năm 1975, sau này giao lại cho vợ chồng ông Danh Th sử dụng và vợ chồng ông Danh Th giao lại cho Danh Xung H sử dụng từ năm 1989, nhưng không đưa ra được văn bản nào chứng minh, ngoài lời khai của nhân chứng tại các bút lục 536, 59, 60, 87 – 93.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Danh Th1 và bà Thị S, Hội đồng xét xử xét về nguồn gốc đất tranh chấp  $1.000\text{m}^2$  (theo đo đạc thực tế là  $1.229,6\text{m}^2$ ) tọa lạc tại ấp An Ph, xã B, huyện C, Kiên Giang, bị đơn trình bày là của cha mẹ là ông Danh Q và bà Thị L tự khai phá từ năm 1975, đến khoảng năm 1983 thì cha mẹ ông giao lại cho ông sử dụng trồng lá, tre để bán hàng năm, khi cha ông là Danh Q chết có chôn trên đất đó, nhưng không đưa ra được văn bản nào chứng minh, ngoài lời khai của nhân chứng tại các bút lục 54, 57, 91 – 93.

[3] Các bên khai phần đất các bên sử dụng ổn định không ai tranh chấp, nhưng thực tế các ông Danh Xung H và ông Danh Th1 đều trình bày là từ năm 1998 các bên đã xảy ra tranh chấp và ông Danh Xung H có hứa cho ông Danh Th1 phần đất tranh chấp và có lập biên bản ký tên thể hiện tại biên bản hòa giải ngày 26/4/1998 (bút lục 47), nhưng nay ông Danh Xung H cho rằng phần đất đó của cha mẹ ông, nên ông chỉ nói chơi, còn phía ông Danh Th1 sau này có chuyển nhượng cho anh Danh Th2 một phần đất giáp với phần đất đang tranh chấp, hiện anh Thoạn đã cất nhà ở ổn định và các bên đều không tranh chấp phần đất này. Phía ông Danh Th2 là người sử dụng đất giáp ranh cũng trình bày: “*Đối với phần đất tranh chấp hai bên tranh chấp, tôi xác định phần đất từ bờ tre trở vô giáp đất ruộng là của Danh Th1, còn phần đất từ bờ tre trở ra mé sông là của Danh Th*” (bút lục 57).

Hiện tại phần đất tranh chấp này các bên nguyên đơn và bị đơn đều chưa đăng ký kê khai và chưa được nhà nước công nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do có tranh chấp. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, phía ông Danh Xung H cung cấp thêm tài liệu cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình vào ngày 10/8/1991 diện tích đất vườn của gia đình là  $5.200\text{m}^2$ , nhưng sau đó Nhà nước thu hồi giấy chứng nhận và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới từng thửa vào ngày 17/7/2008 thì diện tích đất vườn chỉ còn lại  $3.729\text{m}^2$  để cho rằng phần đất tranh chấp là của mình. Nhưng theo hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Danh Th ngày 25/6/2008 kèm biên bản xác định ranh giới, mốc giới sử dụng đất ngày 16/6/2008 thì diện tích ông Danh Th xin cấp lại là  $3.729\text{m}^2$ , phần diện tích đất còn lại là đất thuộc hành lang an toàn giao thông có diện tích  $1.820\text{m}^2$ , nếu tính tổng diện tích đất theo đo đạc thực tế là  $5.549\text{m}^2$ , lớn hơn phần diện tích đất gia đình anh được cấp năm 1991, nên phía anh Danh Xung H cho rằng phần đất tranh chấp là của gia đình anh là không có cơ sở pháp lý.

[4] Tại công văn số 47/CV-TNMT ngày 11/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang xác định phần đất các bên tranh chấp thửa 362, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp An Ph, xã B, huyện C, Kiên Giang là đất hoang hóa, không có thu thuế đất hàng năm và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của nhân chứng xác định cả nguyên đơn và bị đơn đều có sử dụng phần đất tranh chấp để chia hai phần đất cho mỗi bên là hoàn toàn phù hợp thực tế khách quan và Luật đất đai. Căn cứ theo Quyết định số 19/2017/QĐ –UBND ngày 09/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và do phần đất tranh chấp là đất LNK (lâu năm khác), có thể phân chia bằng hiện vật, nên Tòa án cấp sơ thẩm giao đất cho bị đơn sử dụng và bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả giá trị 1/2 (một phần hai) thửa đất tranh chấp bằng tiền cho nguyên đơn là chưa phù hợp, vì tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các bên đương sự không ai chịu nhận hiện vật để thôi lại giá trị cho bên kia vì không có khả năng và cho rằng kết quả thẩm định giá không phù hợp thực tế.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận quan điểm tranh luận của Trợ giúp viên, chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên về việc không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Danh Xung H và bị đơn ông Danh Th1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thị S, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp cho mỗi bên 1/2 (một phần hai) thửa đất số 362, tờ bản đồ địa chính số 6 tọa lạc tại ấp An Ph, xã B, huyện C, Kiên Giang theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/6/2018 và Tờ trích đo địa chính vị trí đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C lập ngày 26/10/2018. Cụ thể công nhận quyền sử dụng đất cho ông Danh Th diện tích đất 614,8m<sup>2</sup> (LNK) có vị trí các điểm 5,6,7,8,9,10,11 và công nhận quyền sử dụng đất cho ông Danh Th1 diện tích đất 614,8m<sup>2</sup> (LNK) có vị trí các điểm 1,2,3,4,5,11,12,13 theo sơ đồ Tờ trích đo địa chính nêu trên.

Do bản án sơ thẩm bị sửa, áp dụng khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử xác định lại nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án như sau: Xét các bên tranh chấp quyền sử dụng đất và không tính bằng giá trị, nên phía bị đơn vợ chồng ông Danh Th1, bà Thị S phải chịu án phí không giá ngạch bằng 200.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần. Phía vợ chồng ông Danh Th, bà Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm, ông Danh Xung H đại diện theo ủy quyền của ông Danh Th, Thị D và ông Danh Th1, Thị S (Thị S) phải chịu án phí phúc thẩm mỗi người 300.000 đồng do Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của các bên.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Danh Xung H đại diện theo ủy quyền của ông Danh Th, Thị D.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Danh Th1 và bà Thị S (Thị S).

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Áp dụng Điều 91, khoản 4 Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 688 Bộ luật dân sự; Khoản 6, khoản 7 Điều 12 và khoản 2, khoản 3 Điều 170 Luật Đất đai 2013. Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Danh Th và bà Thị D về việc yêu cầu Tòa án công nhận phần đất có diện tích là  $1.000\text{m}^2$  (theo đo đạc thực tế là  $1.229,6\text{m}^2$ ) tọa lạc tại ấp An Ph, xã B, huyện C, Kiên Giang là của ông Danh Th và bà Thị D.

2. Xử Công nhận cho ông Danh Th và bà Thị D được quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất lá, cây tạp,... . Vị trí và diện tích đất cụ thể như sau:

Cạnh 1-2 = 4,65 m giáp đất Danh Th3

Cạnh 2-3 = 5,70 m giáp đất Danh Th3

Cạnh 3-4 = 31,80 m giáp đất Danh Xung H

Cạnh 4-5 = 7,0 m giáp đất Danh Xung H.

Cạnh 5-6 = 4,60 m giáp đất Danh L1

Cạnh 6-7 = 15,10m giáp đất Danh L1

Cạnh 7-8 = 8,0 m giáp đất Danh L1

Cạnh 8-9 = 18,0 m giáp đất Danh L1

Cạnh 9-10 = 7,0 m giáp đất Danh Th1

Cạnh 10-11 = 9,20 m giáp đất Danh X

Cạnh 11-12 = 4,0 m giáp đất Danh Xe

Cạnh 12-1 = 50,60 m giáp đất Danh X

Tổng diện tích đo đạc thực tế là  $614,8\text{m}^2$  (LNK), đất tọa lạc tại ấp An Ph, xã B, huyện C, Kiên Giang.

2. Xử Công nhận cho ông Danh Th1 và bà Thị S (Thị S) được quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất lá, cây tạp,... diện tích cụ thể như sau:

Cạnh 1-2 = 4,65 m giáp đất Danh Th3

Cạnh 2-3 = 5,70 m giáp đất Danh Th3

Cạnh 3-4 = 31,80 m giáp đất Danh Xung H

Cạnh 4-5 = 7,0 m giáp đất Danh Xung H.

Cạnh 5-6 = 4,60 m giáp đất Danh L1

Cạnh 6-7 = 15,10m giáp đất Danh L1

Cạnh 7-8 = 8,0 m giáp đất Danh L1

Cạnh 8-9 = 18,0 m giáp đất Danh L1

Cạnh 9-10 = 7,0 m giáp đất Danh Th1

Cạnh 10-11 = 9,20 m giáp đất Danh X

Cạnh 11-12 = 4,0 m giáp đất Danh X

Cạnh 12-1 = 50,60 m giáp đất Danh X

Tổng diện tích đo đạc thực tế là 614,8m<sup>2</sup> (LNK), đất tọa lạc tại ấp An Ph, xã B, huyện C, Kiên Giang.

Vợ chồng ông Danh Th, bà Thị D và vợ chồng ông Danh Th1 và bà Thị S (Thị S) có quyền và nghĩa vụ liên hệ Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

3. Chi phí đo đạc bản vẽ số tiền 662.000 đồng và thẩm định giá số tiền 1.565.000 đồng, tổng cộng: 2.227.000 đồng. Buộc nguyên đơn và bị đơn phải chịu ½ bằng 1.113.500 đồng. Do phía nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí, nên buộc ông Danh Th1, bà Thị S (Thị S) có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Danh Th, bà Thị D số tiền 1.113.500 đồng (một triệu một trăm mười ba ngàn năm trăm đồng).

#### 4. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Danh Th1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thị S (Thị S) phải chịu án phí không giá ngạch 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng). Phía nguyên đơn ông Danh Th, bà Thị D không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.000.000 đồng cho ông Danh Th, bà Thị D theo biên lai thu tiền số 0003735 ngày 02/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Danh Xung H đại diện theo ủy quyền của ông Danh Th, Thị D phải chịu nộp án phí phúc thẩm 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc ông Danh Xung H nộp theo biên lai thu tiền số 0009965 ngày 27/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang. Buộc ông Danh Th1 và bà Thị S (Thị S) phải chịu nộp án phí phúc thẩm mỗi người 300.000 đồng, khấu trừ mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do bà Thị S (Thị S) nộp thay theo các biên lai thu tiền số 0009949 ngày 25/9/2017 và biên lai thu tiền số 0000781 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân



sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện C;
- THA dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Lê Lâm Sơn**